



Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Ánh Dương

BÁO CÁO

KẾT QUẢ LƯỢNG GIÁ
hoạt động hỗ trợ
NÔNG NGHIỆP và CẦU ĐƯỜNG

Tư vấn:

Nguyễn Thị Kim Nguyệt

Nguyên Giảng viên chính

Khoa Nông Nghiệp

Đại Học Cần Thơ

Tháng 6/ 2014

| | |
|---|----------|
| Bảng các chữ viết tắt..... | 2 |
| Danh sách hình..... | 3 |
| BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CẦU ĐƯỜNG VÀ NÔNG NGHIỆP | 4 |
| 1. Giới thiệu tổng quát Trung tâm Ánh Dương..... | 4 |
| 2. Mục tiêu lượng giá và kết quả mong đợi | 5 |
| 2.1 Mục tiêu lượng giá..... | 5 |
| 2.2 Kết quả mong đợi từ lượng giá: | 5 |
| 3. Phương pháp lượng giá..... | 5 |
| 3.1 Nguồn thông tin để lượng giá: | 5 |
| 3.2 Phương pháp thu thập thông tin: | 6 |
| 4. Thuận lợi, hạn chế trong quá trình lượng giá..... | 6 |
| 4.1 Thuận lợi..... | 6 |
| 4.2 Mặt hạn chế..... | 6 |
| 5. Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ cầu đường..... | 7 |
| 5.1 Hoạt động hỗ trợ cầu đường | 7 |
| 5.2 Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ NN..... | 9 |
| 5.2.1 Xây dựng MHTĐ..... | 9 |
| 5.2.2 Hoạt động tập huấn: | 10 |
| 5.2.4 Tham quan cho nông dân..... | 11 |
| 5.2.5 Chọn đối tượng cho các hoạt động hỗ trợ NN | 12 |
| 5.3 Khái niệm phát triển cộng đồng trong việc thực hiện hỗ trợ NN và cầu đường của TTAD | 12 |
| 5.4 Các vấn đề xuyên suốt lồng ghép..... | 13 |
| 5.5 Nguồn nhân lực của TTAD cho hoạt động NN và cầu đường..... | 13 |
| 5.5.1 Nhân viên thực hiện cầu đường: | 13 |
| 5.5.2 Nhân viên kỹ thuật NN | 13 |
| 5.6 Đội ngũ cộng tác viên | 14 |
| 6. Kết luận và đề xuất | 15 |
| 6.1 Kết luận hoạt động hỗ trợ cầu đường..... | 15 |
| - Tính phù hợp (Relevance) | 15 |
| - Tính hiệu quả mục tiêu (Effectiveness) | 15 |
| - Tính hiệu quả đầu vào (Efficiency) | 16 |
| - Tác động (Impacts) | 16 |
| 6.2 Kết luận hoạt động hỗ trợ NN..... | 16 |

| | | |
|-----|---|----|
| - | Tính phù hợp (Relevance) | 16 |
| - | Tính hiệu quả mục tiêu: | 16 |
| - | Tính hiệu quả đầu vào | 16 |
| - | Tính bền vững: | 17 |
| - | Tác động | 17 |
| 6.3 | Nguồn nhân lực:..... | 17 |
| 6.4 | Phối hợp với các tổ chức bên ngoài | 17 |
| 6.5 | Đội ngũ CTV: | 18 |
| 6.6 | Các ban hỗ trợ: (Ban Cố vấn, BQL DA cấp huyện, BDH cấp xã)..... | 18 |
| 6.7 | Cách tiếp cận của TTAD trong việc PTCD | 18 |
| 7. | Đề xuất | 18 |
| 7.1 | Cầu đường..... | 18 |
| 7.2 | Nông nghiệp..... | 19 |
| 7.3 | Mạng lưới cộng tác viên | 20 |
| 7.4 | Hoạt động thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC) | 20 |
| | Phụ lục | 21 |
| 1. | Tài liệu tham khảo | 21 |
| 2. | Danh sách người được phỏng vấn..... | 21 |
| 3. | Lịch phỏng vấn | 23 |
| 4. | Hình ảnh..... | 24 |

Bảng các chữ viết tắt

| | |
|--------|------------------------|
| BDH | Ban Điều hành |
| BQL | Ban Quản lý |
| CQĐP | Chính quyền địa phương |
| CTV | Cộng tác viên |
| DA | Dự án |
| Hội PN | Hội Phụ nữ |
| KN | Khuyến nông |
| LM | Long Mỹ |
| MH | Mô hình |
| MHD | Mô hình điểm |
| ND | Nông dân |
| PH | Phụng Hiệp |
| TD | Trình diễn |
| TTAD | Trung tâm Ánh Dương |
| THCS | Trung học cơ sở |
| THPT | Trung học phổ thông |

Danh sách hình

| | |
|---|-----------|
| Hình 1: Cầu bắt qua ấp 6, xã Thuận Hưng, LM..... | 7 |
| Hình 2: Quá trình khuyến nông (theo Nguyễn Thị Kim Nguyệt, 2000, giáo trình dạy cán bộ khuyến nông).... | 11 |
| Hình 3: Sơ đồ và hoạt động PTCD phù hợp với năng lực của CD (Nguyễn Thị Oanh, 2007)..... | 13 |
| Hình 4: Cấu trúc mạng lưới KN hình chóp để gia tăng sự tham gia của cộng đồng..... | 15 |

Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Ánh Dương

**BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CẦU ĐƯỜNG VÀ
NÔNG NGHIỆP**

Nguyễn Thị Kim Nguyệt
Nguyên Giảng viên chính
Khoa Nông nghiệp
Đại học Cần Thơ

1. Giới thiệu tổng quát Trung Tâm Ánh Dương

TTAD là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang, quyết định thành lập vào năm 2008 với mục đích hỗ trợ phát triển cộng đồng theo nhu cầu và ưu tiên của địa phương. Trung tâm hoạt động trên hai địa bàn huyện Long Mỹ và Phụng Hiệp, là hai huyện nghèo của tỉnh Hậu Giang. Diện tích của Long Mỹ là 396 km², dân số gần 169 ngàn người (2007), sống dựa vào nông nghiệp chiếm 41.4% trong tổng số dân số của tỉnh Hậu Giang. Phụng Hiệp có diện tích 486 km², dân số là 210.089 người (2007), dân số đa số sinh sống bằng nghề nông.

Các vùng dự án được lựa chọn theo tiêu chuẩn:

- (1) điều kiện kinh tế khó khăn,
- (2) có sự tham gia cao của các cộng đồng, đối tác, chính quyền;
- (3) có hướng tới tính bền vững lâu dài.

Nguồn ngân sách cho các hoạt động dự án chủ yếu được cung cấp từ tổ chức Mekong Plus (tiền thân là Vietnam Plus), một tổ chức phi chính phủ quốc tế chuyên hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển cho các cộng đồng nông thôn nghèo tại Việt Nam và Campuchia.

TTAD hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm nâng cao điều kiện sống của người dân trong vùng

- Hỗ trợ cho phụ nữ nghèo mượn vốn theo nhu cầu không lãi, trong người nghèo đều phải có nhận thức tham gia vào việc phát triển cuộc sống của họ.
- Thúc đẩy, tạo công ăn việc làm và khả năng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ đến các hộ nghèo.
- Giúp tổ chức các nhóm nông dân có điều kiện tự nâng cao nhận thức, kỹ thuật trong sản xuất kinh tế gia đình hiệu quả (qua các mô hình sản xuất nông nghiệp).
- Giúp các học sinh tiểu học và THCS nghèo vùng sâu tiếp cận được với vi tính.
- Học sinh từ mẫu giáo đến tiểu học ứng dụng được phương pháp, kiến thức đã học vào thực tế giúp thay đổi hành vi tự chăm sóc răng miệng, sức khoẻ.
- Hỗ trợ học bổng để các học sinh cấp tiểu học, THCS và THPT trong vùng dự án có hoàn cảnh khó khăn không phải bỏ học nửa chừng...

Hai hoạt động quan trọng của TTAD là phát triển cầu đường để giúp người dân thuận lợi trong giao thông, và phát triển sinh kế thông qua hỗ trợ sản xuất NN. TTAD mong muốn tư vấn bên ngoài xem xét lại hai

hoạt động này nhằm có những điều chỉnh kịp thời để tăng tính hiệu quả. Bà Nguyễn Thị Kim Nguyệt, nguyên Giảng viên chính Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ, cũng là thành viên Ban Cố vấn của TTAD được mời thực hiện lượng giá này. Bà Nguyệt có nhiều kinh nghiệm về lượng giá và phát triển NN, PTCĐ.

2. Mục tiêu lượng giá và kết quả mong đợi

2.1 Mục tiêu lượng giá

Tư vấn đánh giá các hoạt động NN và hỗ trợ phát triển cầu đường của TTAD về phương pháp triển khai tổ chức và hiệu quả mang lại cho người dân.

2.2 Kết quả mong đợi từ lượng giá:

- Tính phù hợp (Relevance): Mục tiêu các hoạt động hỗ trợ về NN và cầu đường có rõ ràng và phù hợp với chủ trương nhà nước cũng như mong đợi của người dân trong vùng
- Tính hiệu quả mục tiêu (Effectiveness): Mục tiêu đề ra có đạt được theo thời gian dự kiến, mục tiêu này đạt được do các hoạt động của dự án mang lại hay từ các hoạt động khác trong vùng?
- Tính hiệu suất đầu vào (Efficiency): Các khoản đầu tư của TTAD (ngân sách, nhân sự, thời gian) có hợp lý, có cách nào hoặc mức độ nào khác về đầu tư cho việc thực hiện các hoạt động nhưng vẫn cho kết quả như nhau hoặc tốt hơn?
- Tính bền vững (Sustainability): của các hoạt động NN và cầu đường của TTAD? Nếu TTAD dừng các hoạt động hỗ trợ này, những kết quả đạt được trong thời gian có hỗ trợ có được giữ vững hoặc phát triển thêm?
- Những tác động (Impacts): do các hoạt động NN và cầu đường của TTAD mang lại, đánh giá cả mặt tích cực và tiêu cực
 - a. Tác động về môi trường
 - b. Tác động kinh tế
 - c. Tác động xã hội
 - d. Tác động thể chế (ảnh hưởng đến các ban ngành có liên quan như thế nào)

Các ý kiến đánh giá cần quan tâm đến vấn đề xuyên suốt mà TTAD/ nhà tài trợ quan tâm: giới, môi trường, người dân tộc ... (nếu có)

3. Phương pháp lượng giá

3.1 Nguồn thông tin để lượng giá:

- Dữ liệu thứ cấp: từ các tài liệu của TTAD, các báo cáo định kỳ, báo cáo hoạt động, mẫu biểu; các tài liệu có liên quan đến phát triển nông nghiệp, cầu đường tại địa phương cũng như những chính sách liên quan của nhà nước.
- Họp BQL TTAD để thống nhất lịch làm việc đối tượng cung cấp thông tin cho lượng giá.
- Dữ liệu sơ cấp:
 - o Phòng vấn BQL và nhân viên của TTAD, Ban BQL Dự án cấp huyện, BĐH Dự án cấp xã, các CTV, chính quyền địa phương xã, trạm Khuyến nông huyện, hội ND huyện, thành viên Ban Cố vấn, Ông Bernard

- Tham dự quan sát các hoạt động do nhân viên TTAD thực hiện trên địa bàn như tập huấn, hội thảo, thăm MHD.
- Thăm các hộ được TTAD hỗ trợ vốn làm mô hình thí điểm, hoặc mượn vốn sản xuất NN.
- Quan sát trực tiếp các công trình cầu đường trên địa bàn, nói chuyện với người dân hưởng lợi.
- Phỏng vấn các ND có nhận hỗ trợ trực tiếp và không hoặc chưa được hỗ trợ của TTAD.
- Phỏng vấn các CTV trên địa bàn

3.2 Phương pháp thu thập thông tin:

- Thống nhất với BQL TTAD về các đối tượng cấp tin; khi thu thập thông tin, tư vấn luôn tổng kết các phát hiện và cho nhận xét ở cuối buổi để kiểm tra độ chính xác của thông tin thu được và tìm sự đồng thuận của đối tượng cung cấp tin.
- Thường xuyên trao đổi những phát hiện và đề xuất trong khi thu thập thông tin cho các thành viên BQL và nhân viên liên quan của TTAD.
- Quan sát trực tiếp các hoạt động và trao đổi với người trong cuộc để tăng tính khách quan khi nhận xét.
- Cuối đợt thu thập thông tin trên địa bàn, tư vấn và BQL TTAD họp ngắn để đúc kết các phát hiện và thảo luận các đề xuất sơ bộ.
- Báo cáo sơ bộ được gửi đến BQL TTAD và các đối tác để được góp ý giúp hiệu chỉnh những thiếu sót hoặc sai sót trong quá trình thu thập thông tin và thu nhận những ý kiến bổ sung;
- Họp BQL TTAD qua skype để thảo luận về những góp ý của BQL TTAD
- Tư vấn hoàn thiện báo cáo lượng giá.

4. Thuận lợi, hạn chế trong quá trình lượng giá

4.1 Thuận lợi

- BQL TTAD rất nhiệt tình hợp tác với tư vấn, tổ chức tốt cho tư vấn tiếp xúc các đối tượng cung cấp thông tin cho lượng giá.
- Thời tiết thuận lợi cho làm việc tại các xã ấp.
- Người được tiếp xúc rất sẵn sàng chia sẻ thông tin.

4.2 Mặt hạn chế

Thông tin thu thập chỉ có trên 2 xã huyện Long Mỹ là Thuận Hưng và Lương Nghĩa và 1 xã huyện PH là Hòa Mỹ. Do hạn chế về thời gian, tư vấn không thể đi thăm nhiều hơn các xã vùng dự án.

5. Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ cầu đường

5.1 Hoạt động hỗ trợ cầu đường

TTAD xác định rõ đối tượng hưởng lợi từ các hoạt động là các hộ nghèo trong xã. Với nguồn vốn hạn hẹp, TTAD đã tập trung hỗ trợ những công trình nhỏ, cầu dưới 20 mét, đường hẹp, rộng tối đa 2,5 mét (từ năm 2011), mức hỗ trợ bằng một phần ba kinh phí, phần còn lại do ngân sách của địa phương (xã, huyện) và nhất là sự đóng góp của người dân trong vùng. Do phải có dân đóng góp, nên trong thời gian qua (từ năm 2005 đến nay), cầu đường có TTAD hỗ trợ chỉ thực hiện được ở những vùng dân có khả năng đóng góp. Những vùng dân nghèo, hoặc những vùng dân không ở mà chỉ đến để làm lúa, rất khó vận động dân góp vào.

Từ năm 2005 đến nay, 153,12km đường và 189 cây cầu được TTAD hỗ trợ xây dựng. Nhiều công trình mang lại lợi ích thiết thực cho địa phương, giúp học sinh và người dân trong vùng đi lại dễ dàng, ND dễ vận chuyển nông sản đến nơi tiêu thụ, tiết giảm được thời gian và chi phí; thương lái thuận tiện đến tận xã ấp để tìm nguồn hàng, nếu không có cầu đường, trước kia ND phải đem sản phẩm đến chợ và thường bị thương lái ép giá, nếu không bán phải chờ hàng về.

Nhu cầu phát triển cầu đường còn rất cao trên địa bàn 2 huyện LM và PH. Sự hỗ trợ của TTAD không cao, nhưng là sự khởi động tốt để quy tập các nguồn đóng góp cho xây dựng cầu đường như trường hợp cầu Ấp 6, xã Thuận Hưng huyện Long Mỹ, bắt qua rạch, được khoảng 200 hộ sử dụng.

Hộp: Ý kiến dân về cầu đường

Ông Be, Bí thư ấp 6 xã Thuận Hưng, LM nói rằng: “Trước kia chỗ này có cầu nhỏ, người dân đi lại vận chuyển nông sản rất khó khăn, nhiều hộ nuôi vịt khi chờ trứng đi bán bị lợt xuống sông, hoặc có bà chở rau cải bằng xe máy, thì xe phải cột dây vào xe, nếu có ngã thì nhờ người nắm dây kéo lên. Chuyện qua cầu bị té thường xuyên xảy ra. Nay nhờ có cầu, mà 200 hộ cặp tuyến kênh này không còn khó khăn nữa, cũng nhờ vào TTAD hỗ trợ, mặc dù chỉ một phần, nhưng do nhu cầu quá bức xúc, bà con đã đóng góp công sức và đồng tình xây cầu rộng hơn để tiện sử dụng so với qui cách ban đầu của TTAD. Nếu không có TTAD hỗ trợ ban đầu, chắc đến nay chưa có cầu này



Hình 1: Cầu bắc qua ấp 6, xã Thuận Hưng, LM

Xây dựng cầu này thể hiện rõ vai trò của TTAD là khởi xướng để động viên các nguồn lực khác trong cộng đồng, với mức đầu tư chỉ 15 triệu, từ đó với nhu cầu bức xúc, người dân đã góp công, tiền để hoàn thành cầu phục vụ đi lại cho 200 hộ dân.

Hiện nay hầu hết các xã đều phân đấu xây dựng cầu đường theo tiêu chí NTM, vì vậy kích thước của các công trình theo qui cách lớn hơn, lộ hạng A rộng từ 3,5 mét, hạng B 2,5 mét. Vì vậy kinh phí thực hiện các công trình này tăng cao, nếu TTAD vẫn giữ mức hỗ trợ như cũ thì mức đóng góp của dân sẽ cao hơn để hoàn thành các công trình, nhiều người nói vượt quá khả năng của họ và mong TTAD hỗ trợ mức cao hơn tính trên đơn vị mét tới. Theo ông Phan Văn Lộc, cán bộ xã Hòa Mỹ, phụ trách giao thông vận tải đề xuất: “Với mức hỗ trợ của TTAD, nhưng phải làm đường theo tiêu chuẩn NTM thì khó cho dân đóng góp, nên

chăng TTAD sẽ định mức kinh phí hỗ trợ làm đường hằng năm cho xã, thay gì làm 1000m tới đường mỗi năm thì xã sẽ làm ngắn hơn, để giảm phần dân góp vào, như thế sẽ dễ thực hiện hơn.”

Các công trình được hỗ trợ dựa vào đề xuất của xã, tùy vào tính bức xúc của địa phương, ngoài ra TTAD chưa có tiêu chí chọn lựa thứ tự ưu tiên để cho việc chọn lựa các công trình để hỗ trợ.



Hình: Cầu ván áp 6, xã Hòa Mỹ gần sập



Hình: Ấp 6, xã Hòa Mỹ, thiếu cầu, dân phải sử dụng chệt nhỏ để qua sông

Kế hoạch hỗ trợ xây dựng cầu đường của TTAD tùy thuộc vào nguồn kinh phí hằng năm. Cách thức hỗ trợ của TTAD giao chỉ tiêu ngân sách hàng năm cho các xã. Xã sẽ gửi yêu cầu cho TTAD; TTAD sẽ đi khảo sát với xã và khoảng 90% công trình do xã đề xuất được chấp nhận. Xã sẽ đề xuất kế hoạch và tìm nguồn bổ sung để thực hiện, TTAD đóng vai trò chủ yếu là nhà cấp tiền cho xã thực hiện và có giám sát tiến độ thi công cũng như nghiệm thu công trình.

Với cách làm này, TTAD chưa phát huy vai trò cộng đồng trong quá trình thực hiện. Nếu mức độ tham gia của cộng đồng nhiều hơn, như tham gia chọn lựa công trình, làm kế hoạch, giám sát, nghiệm thu và nhất là duy tu bảo dưỡng thì năng lực của cộng đồng cao hơn, trách nhiệm cao hơn và chắc chắn là hiệu quả của công trình sẽ tốt hơn.

TTAD chưa xây dựng tiêu chí chọn lựa các công trình ưu tiên để hỗ trợ. Nhu cầu về cầu đường rất cao ở các xã, nếu UBND xã chỉ dựa vào mức độ bức xúc để chọn công trình thì dễ xảy ra mâu thuẫn giữa các vùng dân cư, vì ai cũng cho là nhu cầu của họ bức xúc. Nếu có tiêu chí rõ ràng thì vấn đề mâu thuẫn giữa các cư dân trong vùng sẽ được giải quyết dễ dàng hơn.

Tâm lý người dân hiện nay ít tin tưởng vào chất lượng các công trình cơ sở hạ tầng của nhà nước vì có nhiều công trình xuống cấp nhanh sau khi đưa vào sử dụng. Nếu họ được tham gia giám sát lúc thi công thì mức độ tin tưởng sẽ cao hơn.

Các công trình sẽ phát huy hiệu quả cao nếu được kịp thời duy tu bảo dưỡng. Mặc dù UBND các xã đều có kinh phí cho việc này, mỗi năm có khoảng một đến hai lần phát động chiến dịch duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong xã. Với cách làm này, tính hiệu quả chưa cao, vì những nơi hư hỏng nhỏ, nhưng đợi đến chiến dịch mới tu sửa thì sẽ thành to ra hoặc nghiêm trọng hơn, sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình và tốn nhiều tiền để sửa chữa hơn. Ý thức làm chủ của cộng đồng cho việc này chưa cao trong việc tổ chức sửa chữa kịp thời; phần lớn còn trông chờ vào chính quyền địa phương.



Hình: cầu kênh 9, xã Lương Nghĩa, LM

TTAD cũng chưa phát huy đúng mức năng lực cộng đồng, tăng cường tính tự chủ của họ cho việc hỗ trợ phát triển cầu đường trong các xã.

5.2 Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ NN

LM và PH là 2 huyện chủ yếu người dân sinh sống bằng nghề nông. Lúa là loại cây trồng chính của vùng và là chương trình trọng tâm được tỉnh tập trung nhiều nguồn lực để giúp phát triển. Mấy năm gần đây, tỉnh tập trung vào việc xây dựng những cánh đồng mẫu để giúp sản xuất đồng loạt, tiết giảm chi phí. Các hoạt động NN của AD trong những năm gần đây tập trung vào các loại sản xuất phù hợp cho hộ nghèo có ít hoặc không đất, hầu hết các hoạt động hỗ trợ nhằm chuyển giao kỹ thuật cho ND. Với tình hình giá lúa, mía rất bấp bênh hiện nay, nhà nước đang mong muốn giúp dân chuyển đổi những diện tích canh tác lúa. mía cho năng suất thấp sang trồng các loại màu làm thức ăn trong chăn nuôi như bắp giúp giảm ngoại tệ nhập khẩu hàng năm. Xã Hòa Mỹ đã bắt đầu phát triển diện tích trồng bắp thông qua hợp đồng với công ty Thới Long để bao tiêu sản phẩm. Đây là sự chuyển đổi cần thiết, giúp ND tăng thu nhập. Tuy nhiên nhóm NN của TTAD gần như chưa quan tâm đủ đến việc chủ trương chuyển đổi cơ cấu này để xây dựng những hỗ trợ kịp thời và hợp thời. Điều này do sự quan tâm hay tầm nhìn, hoặc năng lực của nhóm AD?

Có vẻ TTAD chưa xây dựng được kế hoạch định kỳ về hỗ trợ NN (hằng năm, quý ...) chỉ có kế hoạch kinh phí phân bổ cho các hoạt động. Điều này rất khó cho nhân viên thực hiện và khó cho BQL giám sát, kiểm tra đôn đốc vì không biết phải làm đến đâu! Hơn nữa, BQL TTAD không thể viết báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động nếu thiếu kế hoạch với các chỉ tiêu, chỉ số cụ thể.

Kinh phí hoạt động KN của TTAD năm 2013 là 128 triệu đồng trên tổng kinh phí thực hiện năm 2013 gần 3,3 tỷ đồng, chiếm 3.88%. Mặc dù chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng kinh phí thực hiện hàng năm, nhưng hỗ trợ NN cũng đã tổ chức nhiều hoạt động trên địa bàn 16 xã. Ngoài ra, TTAD còn cho các hộ mượn vốn không lãi để sản xuất, trong đó đa số là sản xuất NN. Các hoạt động hỗ trợ NN của TTAD nhằm mục đích chuyển giao kỹ thuật cho ND thông qua các hình thức như xây dựng MHTĐ, tập huấn, hội thảo, tham quan, tư vấn kỹ thuật trực tiếp, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.

5.2.1 Xây dựng MHTĐ

Hầu hết các MHTĐ có chủ đề do các nhân viên TTAD nghĩ ra từ tham quan các nơi, hoặc thông tin trong sản xuất. Các loại sản xuất này phù hợp với người nghèo ít hoặc không đất. Nhiều loại MHTĐ đã thực hiện như nuôi lợn sinh sản, làm nhà lưới trồng rau, ủ phân hữu cơ, nuôi heo bằng đệm lót sinh học, ...

Ưu điểm:

- Nhiều kỹ thuật cần cho người nghèo được giới thiệu trong vùng, các chủ đề này không nằm trong chương trình trọng điểm của tỉnh vì vậy bị ngành khuyến nông bỏ qua nhưng cần cho ND trong vùng.

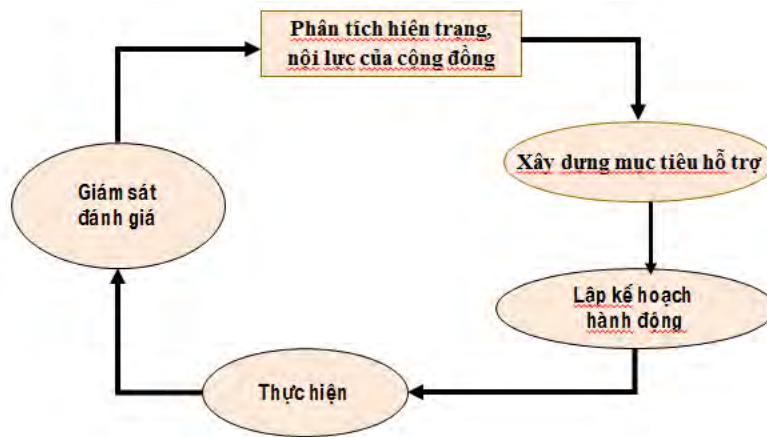
Hạn chế:

- Thuật ngữ “mô hình điểm” được sử dụng cho các mô hình sản xuất, chưa rõ để phân biệt giữa MH thí điểm (còn đang thí nghiệm, nhằm mục đích tìm kết quả kỹ thuật phù hợp cho vùng) và MH trình diễn (kỹ thuật trình diễn đã được xác định tốt cần được phổ biến trong vùng thông qua các điểm trình diễn). Nếu là mô hình trình diễn thì phải cần thực hiện trong mấy vụ để đạt mục tiêu về số người biết và được thuyết phục làm theo.
- MHTD chỉ thực sự hiệu quả khi sau đó nhiều người biết đến và áp dụng theo. Nếu chỉ dừng lại ở việc thực hiện MH đạt kết quả tốt thì đây sẽ là điều lãng phí. TTAD đã thiếu đánh giá khả năng nhân rộng các kỹ thuật này trên địa bàn và ít tập trung nhiều vào quảng bá, vận động áp dụng khi MH được thực hiện thành công. TTAD chỉ chú trọng “đầu vào” sao cho các MHTD có kết quả tốt.
- Đa số người thực hiện MHTD đều đánh giá cao kết quả nhưng sau khi làm xong, họ không tiếp tục làm theo kỹ thuật mà họ đã được nhân viên TTAD hướng dẫn làm trình diễn hoặc thí điểm. Thí dụ MHTD nhà lưới trồng rau. Các hộ làm TD đều nói rằng MH này cho kết quả tốt so với trồng rau không nhà lưới. Nhưng không có hộ nào tiếp tục tự làm lại nhà lưới sau khi bị hư hỏng, họ trở lại trồng rau bên ngoài như thói quen. Điều này cho thấy là kết quả trình diễn chưa thuyết phục họ làm theo? Hoặc có hộ nói nếu TTAD hỗ trợ tiếp làm nhà lưới thì họ rất hoan nghênh.
- Mặc dù nhân viên kỹ thuật NN của TTAD yêu cầu ND làm MH ghi chép, nhưng trong thực tế không thấy người nào ghi chép. Việc ghi chép các khâu kỹ thuật trong quá trình thực hiện rất cần thiết, vì có ghi chép, họ mới nhớ các kỹ thuật đã làm để vụ kế tiếp, họ tự làm lại được mà không cần phải có nhân viên TTAD chỉ dẫn. Ngoài ra họ còn có nhiệm vụ chỉ dẫn lại cho người khác trong vùng, nếu không ghi chép, họ sẽ dễ quên.
- Cùng loại MHTD nhưng được thực hiện nhiều nơi, TTAD chỉ chọn một nơi để hội thảo. ND trong vùng có làm MHTD nhưng không tổ chức hội thảo đa số không biết đến kỹ thuật của MHTD. Khi đi thăm hộ chị Huỳnh Thị Nhan, ấp 10 xã Thuận Hưng, LM, làm mô hình nấm rơm, và ủ bã rơm với nấm trichoderma, chị Nhan nói trong vùng không ai biết mô hình này, nên chị cũng không hướng dẫn cho ai, MH được tổ chức hội thảo tại điểm trình diễn ở Vĩnh Thuận Đông! Thậm chí nhiều hộ cùng làm một loại sản xuất, nhưng không biết các kỹ thuật đang được làm MHTD tại xã, như hộ nuôi heo không biết kỹ thuật độn lót sinh học. (hộ Trần Thị Ly, xã Hòa Mỹ PH, mượn vốn nuôi heo, trong vùng có MH độn lót sinh học nhưng chị không hề nghe nói đến!).
- TTAD chưa xây dựng tiêu chí chọn người làm MHTD. Một trong những tiêu chí cần quan tâm là địa điểm thuận lợi cho mọi người lui tới để tham quan, chia sẻ kinh nghiệm, nhưng không được quan tâm. Thí dụ hộ chị Dương thị Chín, xã Hòa Mỹ làm MH độn lót sinh học, nhưng nhà ở nơi hẻo lánh, không tiện cho người dân lui tới. Một tiêu chí khác để chọn người làm MHTD là phải biết giải thích kỹ thuật TD để hướng dẫn bà con ND khác trong vùng, khi đoàn thăm hộ chị Nguyễn Thị Sùng ấp 10, xã Thuận Hưng LM, hộ này được hỗ trợ thực hiện MH ủ rác sinh hoạt bằng nấm trichoderma, chị không thể nhớ nổi tên nấm và cũng không biết mua ở đâu. Như thế chắc chắn là sau khi thực hiện MH, chị sẽ không thể tiếp tục tự áp dụng.

5.2.2 Hoạt động tập huấn:

Hàng năm TTAD có chỉ tiêu mở các lớp tập huấn cho ND trên địa bàn 16 xã AD hỗ trợ. Các chủ đề tập huấn xoay quanh các hoạt động sản xuất của ND trong vùng về cây lúa, gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy

sản. Ngoài ra, nhân viên TTAD còn kết hợp với hội Phụ nữ, Nông dân thực hiện các lớp tập huấn lồng ghép vào các buổi họp của đoàn thể. Cách tổ chức các lớp TH không khác gì các lớp do TTKN hay trạm KN thực hiện, cũng chủ yếu là để chuyển giao kỹ thuật. TTAD chưa tận dụng các MHTD để giới thiệu kỹ thuật cho ND, giúp người dân học bằng nhiều giác quan hơn. Thí dụ, MHTD về đệm lót sinh học cho heo rất thành công tại ấp 3, xã Hòa Mỹ vào ngày 8/5/2014 được lồng ghép vào họp thường kỳ của hội Phụ nữ. Mặc dù trong ấp có hộ chị Dương Thị Chín thực hiện thành công MH này, nhưng tập huấn tại một địa điểm khác.



Có vẻ mọi hoạt động hỗ trợ NN của TTAD tập trung vào giai đoạn thực hiện, trong khi hoạt động khuyến nông phải là một quá trình tiếp diễn liên tục từ đánh giá nhu cầu, thuận lợi, khó khăn, nội lực của người trong cộng đồng để làm cơ sở xây dựng chương trình KN; thực hiện chương trình và theo dõi sau khi thực hiện để có những hỗ trợ tiếp tục phù hợp. Các hoạt động cứ tiếp diễn theo quá trình này

Hình 2: Quá trình khuyến nông (theo Nguyễn Thị Kim Nguyệt, 2000, giáo trình dạy cán bộ khuyến nông)

Các chủ đề tập huấn đa số do người dân đề xuất thông qua các CTV, đoàn thể. Một số chủ đề mới do các nhân viên chọn nhờ vào các chuyên tham quan, hay thông tin mà họ nhận biết. Theo quan sát, phương pháp tập huấn chỉ là chuyển giao kỹ thuật một lần cả qui trình. Với cách làm này thích hợp cho một số chủ đề, nhưng một số khác, người dân khó tiếp thu và nhớ để thực hiện. Thí dụ tập huấn chủ đề “sinh sản nhân tạo lợn”, ND không thể nào ghi nhớ để áp dụng theo, nhưng nếu được tập huấn bằng phương pháp trình diễn thực hành, ND được tập huấn nhiều đợt trong suốt quá trình sinh sản của lợn, sẽ giúp họ tự tin vì hiểu rõ hơn.

5.2.3. Hỗ trợ tiêm phòng vật nuôi:

TTAD đã tổ chức tiêm phòng vật nuôi hàng năm, việc làm này rất cần thiết để giúp phòng bệnh cho gia súc gia cầm, tiêm phòng miễn phí 4 con heo cho mỗi hộ mượn vốn trong suốt thời gian mượn vốn. Kinh nghiệm cho thấy, các hộ chăn nuôi lớn, việc thu nhập từ chăn nuôi rất quan trọng, vì vậy họ rất quan tâm đến phòng bệnh. Ngược lại, các hộ chăn nuôi nhỏ, thường rất ít quan tâm đến tiêm phòng, vì đây không phải là nguồn thu nhập chính, nếu thất bại cũng ít thiệt hại. Vì vậy, theo Tripodi (2007), một chuyên gia thú y của FAO, nguồn lây bệnh vật nuôi trong vùng thường từ các hộ nhỏ, không có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. Việc phòng bệnh cho vật nuôi chỉ có hiệu quả khi cộng đồng cùng có ý thức, nếu mọi người đều thấy cần phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa bệnh cho vật nuôi, trong đó có tiêm phòng và cùng áp dụng thì việc phòng bệnh sẽ hiệu quả. Việc tổ chức cộng đồng để tiêm phòng cho vật nuôi là điều cần thiết.

5.2.4 Tham quan cho nông dân

TTAD tổ chức tham quan trong và ngoài tỉnh cho ND. Việc làm này rất cần thiết giúp ND mở rộng tầm nhìn và dễ thuyết phục họ làm theo thông qua quan sát trực tiếp và chia sẻ kinh nghiệm. Tuy nhiên qua báo

cáo, không thấy TTAD đánh giá sự thay đổi của ND tham gia tham quan sau chuyến đi, hoặc có những hỗ trợ nào giúp họ thay đổi. Tổ chức ND tham quan chéo giữa các xã rất cần thiết, ít tốn kém chi phí, điều kiện gần giống nhau để áp dụng.

5.2.5 Chọn đối tượng cho các hoạt động hỗ trợ NN

Việc chọn người tham dự tập huấn, hội thảo, hoặc người làm MHD chưa được TTAD quan tâm cao, để nhận thấy người tham dự các hoạt động này chưa hẳn đúng đối tượng để áp dụng các kỹ thuật khuyến cáo.

Đối tượng phụ nữ chưa phải là vấn đề TTAD quan tâm, chưa có chỉ tiêu số lượng phụ nữ tham dự trong các hoạt động.

5.3 Khái niệm phát triển cộng đồng trong việc thực hiện hỗ trợ NN và cầu đường của TTAD

Theo định nghĩa của Liên hiệp quốc, phát triển cộng đồng là tiến trình, qua đó nỗ lực của người dân kết hợp với nỗ lực của chính quyền, các tổ chức nhằm để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng và giúp các cộng đồng này hòa nhập và đóng góp vào tiến trình phát triển chung của quốc gia

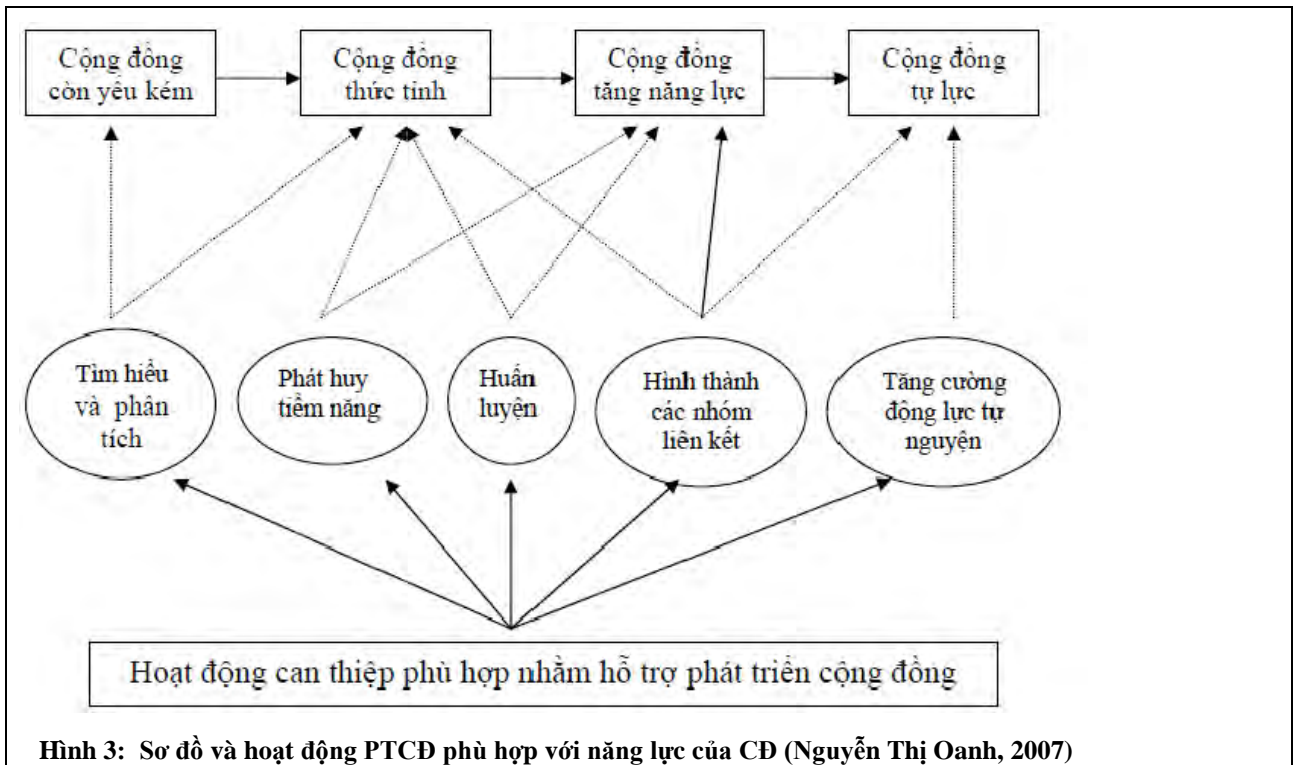
PTCĐ hướng tới 2 mục tiêu cơ bản

- Mục tiêu phát triển con người liên quan đến quá trình nâng cao năng lực con người để khắc phục trở ngại, khó khăn nhằm đạt được những mục tiêu mong muốn
- Mục tiêu vật chất liên quan đến tăng trưởng về vật chất, kinh tế, xã hội nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Theo chuyên gia xã hội học, Nguyễn Thị Oanh, tiến trình PTCĐ trải qua 3 giai đoạn:

- Thức tỉnh CD
- Tăng năng lực
- Tự lực.

Giai đoạn thức tỉnh CD rất quan trọng để giúp người dân nhận ra vấn đề và ý thức cần phải thay đổi. Hoạt động thông tin – giáo dục – truyền thông (IEC) hiệu quả sẽ giúp tiến trình thức tỉnh cộng đồng nhanh, từ đó giúp họ chuyển đổi nhanh theo hướng tích cực.



Hình 3: Sơ đồ và hoạt động PTCD phù hợp với năng lực của CD (Nguyễn Thị Oanh, 2007)

Theo sơ đồ trên, thì TTAD chỉ chú trọng đến hỗ trợ trực tiếp từ y tế, NN, cầu đường, chưa cho thấy cách tiếp cận của TTAD nhằm mục đích giúp phát triển cộng đồng theo các khái niệm và định nghĩa trên. Trong phát triển cộng đồng, sự tham gia của người dân với sự tự lực tối đa. Mức độ TTAD giúp phát huy nội lực của CD chưa cao. Những hỗ trợ của TTAD chưa đủ giúp cho người dân nhận ra những vấn đề của họ và vì thế họ chưa ý thức nỗ lực để giải quyết để nâng cao chất lượng cuộc sống.

5.4 Các vấn đề xuyên suốt lồng ghép

Một số các chủ đề của MH điểm có quan tâm đến vấn đề môi trường như ủ rác gia đình bằng nấm trichoderma, ủ phân hữu cơ, làm nấm rơm để giảm đốt đồng ... Trong kế hoạch của TTAD về cầu đường và hỗ trợ NN thiếu các chỉ số lồng ghép các vấn đề xuyên suốt mà một dự án PTCD thường quan tâm như các vấn đề quan tâm đến bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, dân tộc thiểu số... mà một dự án phát triển cộng đồng thường quan tâm.

5.5 Nguồn nhân lực của TTAD cho hoạt động NN và cầu đường.

5.5.1 Nhân viên thực hiện cầu đường:

Chương trình cầu đường do anh Võ Trung Oai, PGĐ TTAD phụ trách chính, trên từng địa bàn có các nhân viên phụ trách phối hợp thực hiện. Hầu hết nhân viên ít có chuyên môn về xây dựng cầu đường, với khối lượng công việc như thế, TTAD chỉ giúp phát triển cầu đường cho địa phương với vai trò là người hỗ trợ kinh phí và khảo sát, nghiệm thu.

5.5.2 Nhân viên kỹ thuật NN

Có 3 nhóm nhân viên kỹ thuật thực hiện các hoạt động về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có trình độ từ thạc sĩ đến trung cấp

Ưu điểm:

- Đa số các nhân viên là người địa phương nên tính ổn định tương đối cao
- Hầu hết là người trẻ nên thuận lợi đi lại trên địa bàn 16 xã của dự án.
- Số lượng nhân viên cũng tương đối đủ so với công việc hiện tại.

Hạn chế:

- Trình độ và kinh nghiệm giữa các nhân viên không đồng đều. Tuy nhiên việc hỗ trợ để cùng giúp nhau nâng cao năng lực chưa thể hiện rõ, mọi người phụ trách một địa bàn và cố làm tròn trách nhiệm của mình.
- Số lượng nhân viên nhóm thú y, chỉ có 2 người, yêu cầu của người dân về hỗ trợ thú y cao, TTAD đang chuẩn bị tuyển thêm nhân viên thú y.
- Năng lực đội ngũ:
 - o Ít có cơ hội để nâng cao kiến thức chuyên môn.
 - o Hầu hết chưa được đào tạo qua các kỹ năng khuyến nông cần thiết như tổ chức tập huấn, xây dựng MHTD, tổ chức hội thảo, tham quan, làm tài liệu khuyến nông...
 - o Các nhân viên lúng túng khi chọn các chủ đề làm MHTD, hoặc chỉ thực hiện các hoạt động dựa trên chuyên gia kỹ thuật là chủ yếu. Mặc dù kỹ thuật rất cần thiết, nhưng người dân cần nhiều thứ hơn là kỹ thuật để giúp họ phát triển sản xuất như nâng cao năng lực về tiếp cận thị trường
- Địa bàn rộng (16 xã), tất cả các nhân viên đều kiêm nhiệm các công việc khác, vì vậy họ bị hạn chế về thời gian

5.6 Đội ngũ cộng tác viên

TTAD đã xây dựng đội ngũ CTV gồm 36 người được tuyển chọn từ người địa phương hoặc những ND bình thường, hoặc cán bộ xã, đoàn thể. TTAD đã tổ chức 2 khóa đào tạo CTV về thú y và nông nghiệp do Trường Đại học Cần Thơ và Viện Lúa ĐBSCL phụ trách. TTAD hy vọng thông qua việc tham dự các lớp tập huấn này sẽ giúp các CTV có kiến thức về kỹ thuật NN để giúp các hộ mượn vốn sản xuất NN.

Tuy nhiên thực tế cho thấy trình độ về chuyên môn kỹ thuật của các CTV chưa đủ để hỗ trợ kỹ thuật cho ND trong vùng, do đó việc sử dụng các CTV với vai trò là người hỗ trợ kỹ thuật cho ND khó được thuyết phục.



Hình 4: Cấu trúc mạng lưới KN hình chóp để gia tăng sự tham gia của cộng đồng

Với mạng lưới CTV trên địa bàn nếu họ được phân công nhiệm vụ vận động, thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ thực hiện các hoạt động thì sẽ mang lại hiệu quả rất lớn.

Cấu trúc tổ chức hoạt động KN hay phát triển cộng đồng rất thuận lợi để tăng cường sự tham gia của người dân là cấu trúc theo dạng hình chóp. Với 36 CTV, TTAD đã có cấu trúc hình chóp, nhưng thực tế, việc sử dụng mạng lưới CTV này chưa thật sự hiệu quả. Nhiệm vụ chính của CTV là theo dõi việc sử dụng vốn mượn của TTAD và báo cáo cho nhân viên TTAD khi các hộ này gặp khó khăn để có can thiệp kịp thời. Tiền lương của CTV được tính dựa trên số hộ nghèo được mượn vốn mà họ phụ trách quản lý (21.000 đồng/ hộ/ tháng). TTAD luôn mong việc hoàn trả các khoản vay mượn cao, vì vậy việc xây dựng đội ngũ CTV cũng nhằm đến việc thu hoàn vốn cao nhất. Vai trò CTV cho các nhiệm vụ khác chưa rõ ràng.

6. Kết luận và đề xuất

6.1 Kết luận hoạt động hỗ trợ cầu đường

- Tính phù hợp (Relevance)

- Được địa phương và người dân trong vùng đồng tình, mức độ hưởng ứng cao.
- Chưa có tiêu chí chọn lựa công trình ưu tiên, dễ gây mâu thuẫn giữa các cộng đồng dân cư
- Định mức hỗ trợ của TTAD là một phần ba chi phí để xây dựng các cầu nếu thực hiện theo tiêu chí NTM thì thấp, người dân phải đóng góp nhiều hơn gây khó khăn nhất là cho các hộ nghèo.

- Tính hiệu quả mục tiêu (Effectiveness)

Nếu mục tiêu phát triển cầu đường của TTAD là cải thiện việc đi lại của người dân trong vùng, thuận lợi mua bán nông sản. Tuy nhiên trong dự án PTCĐ, các hỗ trợ còn phải quan tâm phát huy nội lực CĐ, nâng cao năng lực cộng đồng

Kết quả việc làm của TTAD đã đạt hiệu quả mục tiêu như sau:

- Hệ thống cầu đường trong vùng đã được cải thiện nhiều qua các năm nhờ vào nhiều nguồn: kinh phí nhà nước, các nhà hảo tâm và TTAD.
- Nếu không có TTAD, phía CQĐP cũng phát triển cầu đường, đây là tiêu chí quan trọng trong bộ 19 tiêu chí xây dựng NTM, nếu có TTAD tham gia thì sẽ đẩy nhanh tiến độ hoàn thành.

- Hỗ trợ ban đầu của TTAD đã đóng vai trò là nguồn khởi xướng để tập hợp các nguồn lực khác (từ ngân sách huyện, xã; đóng góp của người dân) để hoàn thành các công trình cầu đường.
 - Chưa có tiêu chí chọn lựa công trình rõ ràng để hạn chế mâu thuẫn trong cộng đồng,
 - Cách làm của TTAD chưa giúp cộng đồng nâng cao năng lực và ý thức làm chủ trong việc chọn lựa công trình, giám sát thi công và duy tu bảo dưỡng.
- **Tính hiệu quả đầu vào (Efficiency)**
- TTAD đóng góp một phần ba kinh phí, phần còn lại được huy động từ người dân địa phương và ngân sách xã, huyện. Nhờ vào TTAD khởi xướng mà nhiều công trình tại các xã đã được thực hiện.
 - Nhiều công trình do TTAD hỗ trợ được nhiều người sử dụng như cầu ấp 6, Thuận Hưng, LM. Tuy nhiên vẫn còn vài công trình có số người hưởng lợi chưa cao như những cầu bắt qua cánh đồng
- **Tác động (Impacts)**
- Nhờ có cầu đường, tỷ lệ trẻ con vào lớp 1 đúng tuổi cao hơn.
 - Phụ huynh giảm thời gian đưa đón con đi học.
 - Các hoạt động giải trí cũng tăng số người sử dụng dịch vụ này.
 - Dễ đưa người bệnh đến trạm xá hoặc bệnh viện kịp thời
 - Người dân trong vùng mua bán nông sản thuận lợi hơn, thương lái chịu đến tận nơi để thương lượng giá cả, ND đỡ bị ép giá.
 - Có những cầu sau khi bắt xong thì số hộ đến ở tăng lên: Long Trị A, Long Phú.

6.2 Kết luận hoạt động hỗ trợ NN

- **Tính phù hợp (Relevance)**
- Nhiều kỹ thuật phù hợp cho hộ nghèo ít đất hoặc không đất áp dụng, trong khi ngành KN không chú ý đến đối tượng này.
 - TTAD quan tâm đến đối tượng ND nghèo, là đối tượng thường ít được tham dự trực tiếp các hoạt động KN của nhà nước
- **Tính hiệu quả mục tiêu:**
- Mục tiêu của AD là giúp đối tượng nghèo phát triển kinh tế hộ. Hoạt động hỗ trợ chỉ nhắm đến chuyển giao kỹ thuật chưa đủ để đạt mục tiêu này.
- **Tính hiệu quả đầu vào**
- Mức độ đầu tư cho các hộ làm MHD của AD thấp hơn của KN nhà nước, nhưng được sự đồng tình của ND trong vùng và nhiều người muốn được làm MHD.
 - Nhiều MHD cho kết quả tốt nhưng TTAD chưa tận dụng các nguồn lực để phổ biến các thông tin kỹ thuật phù hợp này. Cùng loại MH được làm ở nhiều xã khác nhau nhưng chỉ có 1 nơi được chọn làm hội thảo, ND các nơi còn lại không biết được kỹ thuật của MHD.

- **Tính bền vững:**

- o TTAD làm việc độc lập khó phối hợp với địa phương vì khác nhau về chính sách hỗ trợ và đối tượng ND tác động,
- o AD chưa tổ chức cộng đồng để đẩy mạnh việc áp dụng các kỹ thuật khuyến cáo. Vì vậy hiệu quả các hoạt động của TTAD có thể bị lãng quên (?).
- o Do chi tập trung hỗ trợ hộ nghèo, nếu dự án kết thúc thì các hộ này khó duy trì hoạt động. Một số dự án như dự án “bảo vệ và Phát triển các vùng đất ngập nước ven biển” cũng nhắm đến đối tượng nghèo, nhưng hỗ trợ gián tiếp thông qua hỗ trợ các hộ khá, giàu để các hộ này giúp tạo việc làm hay mua bán các sản phẩm đầu vào cho các sản xuất của hộ nghèo với giá phải chăng.

- **Tác động**

- o Chưa thấy rõ tác động thay đổi kinh tế cao từ các hoạt động hỗ trợ NN của TTAD do còn sản xuất đơn lẻ.
- o Tác động thể chế (institutional impact) chưa rõ do không phối hợp được với KN nhà nước.
- o Nhiều mô hình quan tâm đến môi trường như ủ rác, làm phân hữu cơ, trồng rau sạch ... Tuy nhiên các mô hình này chưa mở rộng trên địa bàn. Do đó tác động tốt đến vấn đề môi trường trong cộng đồng chưa thể hiện rõ.
- o TTAD đã giúp người dân trong vùng thuận tiện đi lại, nhất là các em học sinh đến trường dễ dàng nhờ vào các cầu đường được xây dựng.
- o Cha mẹ học sinh giảm thời gian đưa đón con em đi học, giúp cha mẹ có thêm thời gian làm việc

6.3 Nguồn nhân lực:

Cầu đường

- TTAD chỉ có một người phụ trách cầu đường, chưa phát huy nội lực (assets) cộng đồng trong việc lập kế hoạch, giám sát, đánh giá và duy tu bảo dưỡng các công trình.
- Chưa xây dựng được tiêu chí chọn lựa công trình.

Nông nghiệp

- Nhân viên đa số tại địa phương, tính ổn định lâu dài với dự án tương đối cao.
- Nhân viên đều trẻ, thuận lợi đi lại trên đại bàn
- Một số nhân viên đang học lên cao, có thể thay đổi nơi làm việc nếu có cơ hội.
- Năng lực về chuyên môn và kỹ năng làm việc không đều giữa các nhân viên. Mọi người cần được nâng cao năng lực để gia tăng hiệu quả.

6.4 Phối hợp với các tổ chức bên ngoài

- Khả năng phối hợp với KN cấp huyện khó vì đối tượng tác động và chính sách hỗ trợ cho ND tham gia khác nhau.

- Chưa phối hợp nhiều với KN xã để thực hiện các hoạt động
- Chưa thấy phối hợp với các tổ chức khác như các công ty cung cấp vật tư NN...

6.5 Đội ngũ CTV:

- CTV chỉ quan tâm nhiều đến các hộ mượn vốn
- Chưa sử dụng tốt mạng lưới CTV cấp xã cho việc lập kế hoạch, giám sát, đánh giá, vận động, thông tin, tuyên truyền.

6.6 Các ban hỗ trợ: (Ban Cố vấn, BQL DA cấp huyện, BDH cấp xã)

- Vai trò, nhiệm vụ các ban này chưa rõ ràng.
- BQL TTAD chưa rõ sẽ dựa vào các ban này để giúp gì cho TTAD.

6.7 Cách tiếp cận của TTAD trong việc PTCĐ

- TTAD hỗ trợ dân nhiều lĩnh vực, nhưng chưa thấy rõ tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển. Các hoạt động chưa cho thấy tiến trình giải quyết vấn đề trong cộng đồng
- Chưa thấy rõ một trong những mục tiêu quan trọng hoạt động PTCĐ là phát triển con người.

7. Đề xuất

TTAD cần xây dựng kế hoạch định kỳ cho các hoạt động. Kế hoạch phải có chỉ tiêu và chỉ số, kết quả mong đợi đạt được để giúp dễ dàng thực hiện và quản lý.

7.1 Cầu đường

| Vấn đề | Đề xuất |
|--|---|
| Tiêu chí chọn lựa các công trình ưu tiên | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chí chọn lựa các công trình ưu tiên có chú ý đến các vấn đề cần quan tâm xuyên suốt như bình đẳng giới, môi trường, người nghèo, học sinh ... và số người hưởng lợi. - Các tiêu chí này phải được thống nhất trong cộng đồng (người dân, CQĐP, TTAD, đoàn thể ...) |
| Loại công trình để hỗ trợ | Không hỗ trợ các công trình có qui mô lớn như đường, cầu tiêu chuẩn NTM, nhưng tăng cường hỗ trợ những công trình nhỏ mà nếu được thực hiện sẽ tăng hiệu quả sử dụng cho các công trình lớn. Như thế với mức đầu tư một phần ba tổng chi phí, người dân dễ chấp nhận. |
| Nâng cao năng lực cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập và nâng cao năng lực các tổ nhóm dân địa phương trong việc giám sát thực hiện, duy tu bảo dưỡng kịp thời các công trình để tăng hiệu quả. - Tăng cường phát huy nội lực cộng đồng bằng cách lập ban hoặc tổ phát triển cầu đường cộng đồng của ấp. Ban này có nhiệm vụ huy động nguồn lực (nhân lực, vật liệu, tiền), giám sát, duy tu bảo dưỡng kịp thời. |

7.2 Nông nghiệp

| Vấn đề | Đề xuất |
|-------------------------------------|--|
| Nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên | <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường chuyên môn kỹ thuật: Tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề kỹ thuật (seminar) giữa các nhân viên. Hoạt động này cần đưa vào tiêu chí để xét thi đua của nhân viên định kỳ. Thành thạo có thể mời cán bộ KN tỉnh huyện báo cáo các chuyên đề liên quan đến chủ trương phát triển NN của tỉnh, huyện. - Tập huấn các kỹ năng về phương pháp KN cho nhân viên NN. Nếu có kỹ năng tốt, biết phương pháp, hoạt động sẽ tăng hiệu quả. - Góp ý lẫn nhau giữa các nhân viên kỹ thuật NN về các kỹ năng khi thực hiện trên địa bàn. - Tổ chức tham quan chéo giữa các nhân viên ở các địa bàn khác nhau. - Tổ chức tham quan cho nhân viên các mô hình, phương pháp tiếp cận hộ nghèo để mở rộng tầm nhìn. Thí dụ chương trình tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho người nghèo ở Trà Vinh. |
| Thông tin quảng bá | <p>Tăng cường thông tin, quảng bá các kỹ thuật phù hợp cho ND trong vùng qua</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành tờ bướm, sổ tay. - Tìm kiếm các thông tin thị trường, chính sách liên quan đến các sản xuất trong vùng để cung cấp cho ND. - Lồng ghép vào các nội dung cần thông tin cho cộng đồng trong các buổi họp tổ, họp nhóm dân trong ấp, xã, đoàn thể ... - Tăng cường vai trò CTV cho hoạt động truyền thông. - Tổ chức hội thảo ở tất cả các điểm làm MH thành công, để giúp dân trong vùng học kỹ thuật thông qua mắt thấy tai nghe. Cách này dễ thuyết phục họ áp dụng theo hơn chỉ nghe tập huấn suôn. |
| Sự tham gia của cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá các hoạt động NN. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CTV cho các hoạt động này. - Tổ chức liên kết ND cùng sở thích để tìm đầu ra cho sản phẩm. - Cần nghiên cứu để có thể hỗ trợ hộ nghèo một cách gián tiếp thông qua giúp hộ khá giàu. Thí dụ các MH cần đầu tư nhiều, thời gian sinh trưởng dài, hộ nghèo khó làm thành công, nhưng giúp hộ giàu để họ có thể tạo việc làm cho hộ nghèo, hoặc cung cấp con giống, cây giống với giá tốt, tại địa phương cho hộ nghèo. |
| Thực hiện mô hình | <ul style="list-style-type: none"> - Cần xác định rõ loại mô hình thí điểm hay trình diễn. - Xây dựng tiêu chí chọn hộ làm trình diễn - Xác định rõ vai trò nhiệm vụ người làm MH - Người thực hiện MH phải ghi chép, đây là một trong những tiêu chí chọn người làm MH. Cần soạn những biểu mẫu đơn giản, giúp dân dễ dàng ghi chép. - Khuyến khích người làm MH quảng bá, hướng dẫn cho người dân |

| | |
|--------------------|---|
| | trong vùng các kỹ thuật tốt. |
| Thực hiện tập huấn | Nên sử dụng nhiều phương pháp tập huấn, gia tăng phương pháp dạy học bằng thực hành nếu có thể, phương pháp này giúp ND trình độ thấp dễ nhớ và tự tin khi áp dụng |
| Tham quan cho ND | <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng tham quan giữa các xã cho ND. - Hướng dẫn tham quan, nói rõ vấn đề gì cần tham quan. - Họp ND sau khi tham quan để rút bài học kinh nghiệm, điều gì họ có thể áp dụng |
| Kế hoạch định kỳ | <ul style="list-style-type: none"> - TTAD cần thiết phải xây dựng kế hoạch định kỳ với các chỉ tiêu, chỉ số để giúp BQL dễ dàng đánh giá hoạt động hàng năm. - Xây dựng kế hoạch giám sát đánh giá với các biểu mẫu đơn giản để tiện lợi thực hiện và giám sát. |

7.3 Mạng lưới cộng tác viên

| Vấn đề | Đề xuất |
|--------------------------|--|
| Cải tổ đội ngũ CTV | <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường chức năng nhiệm vụ của nhóm CTV nhằm để phát huy sự tham gia của cộng đồng. - Các CTV ngoài quản lý hộ nghèo, cần bổ sung nhiệm vụ thông tin về thuận lợi khó khăn của người dân làm cơ sở cho lập kế hoạch hỗ trợ; chức năng vận động, tuyên truyền, thông tin quảng bá. - Cần lập bảng mô tả công việc của CTV cụ thể và thống nhất với họ về nhiệm vụ mới này. |
| Năng lực cho đội ngũ CTV | <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực để CTV có thể làm tốt công việc theo bảng mô tả công việc mới. - Xây dựng chương trình nâng cao năng lực cho CTV, |

7.4 Hoạt động thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC)

- Cần được chú ý nhiều hơn trong một dự án PTCĐ như TTAD để giúp tạo ý thức, nâng cao nhận thức, đây là bước đầu tiên để cộng đồng chuyển đổi theo hướng tích cực.
- Cần quảng bá các hoạt động, chính sách và những vấn đề hỗ trợ của TTAD cho người dân trong cộng đồng hiểu rõ.
- Tăng cường các kênh truyền thông cho các đối tác như các ban ngành có liên quan tại địa phương, các tổ chức đoàn thể và bên ngoài khác.
- TTAD nên có một nhân viên phụ trách IEC

Phụ lục

1. Tài liệu tham khảo

Đại học Sư phạm Hà Nội (2013) Cách phát triển cộng đồng dựa trên nguồn lực, <http://ctxh.hnue.edu.vn/index.php/Triet-hoc-Co-dai/phat-trin-cng-ng-da-vao-ngun-lc-va-tai-sn-cng-ng-abcd.html>

NTK Nguyệt, (2000), giáo trình giảng dạy phương pháp lập kế hoạch khuyến nông. Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AITCV)

OXFAM GB (2013), Thay đổi cách tiếp cận hộ nghèo với dân tộc thiểu số <http://www.oxfamblogs.org/vietnam/2013/12/19/5683/>,

OXFAM GB (2013), Bất bình đẳng gia tăng, người dân nghĩ gì? <http://www.oxfamblogs.org/vietnam/2013/12/19/5683/>,

Tiêu chí xây dựng nông thôn mới (2010) <http://www.bacgiang.gov.vn/ves-portal/17547/19>, Quyết-dinh-491/QĐ-TTg, ngày-14/6/2010-cua-Thu-tuong-Chinh-phu).

TTAD (2012) MÔ hình sinh kế bền vững cho người nghèo giảm ô nhiễm môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, Dự án xin kinh phí của UNIVER

TTAD (2014), Báo cáo hoạt động năm 2013.

Trần Thị Thanh Hà (2010). Phát triển cộng đồng cho sự phát triển kinh tế xã hội nông thôn, Đại học Nông Lâm Huế

2. Danh sách người được phỏng vấn

| STT | Ngày | Họ tên | Đơn vị | Chức vụ |
|-----|----------|--|-----------------|------------------------------|
| | | Họp BQL TTAD qua skype | | |
| 1. | 7/5/2014 | Hồ Thị Kim Chúc | TTAD | Giám Đốc |
| 2. | | Võ Trung Oai | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 3. | | Châu Khế | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 4. | | Phan Thị Thanh Trúc | TTAD | Phó Giám Đốc |
| | 8/5 | Thu thập thông tin tại huyện Phụng Hiệp | | |
| | | Họp với UBND xã Hòa Mỹ | | |
| 5. | | Hồ Thị Kim Chúc | TTAD | Giám Đốc |
| 6. | | Châu Khế | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 7. | | Phạm Thanh Trần | TTAD | Nhân viên |
| 8. | | Ng. Thái Hoàng Phương | TTAD | Nhân viên |
| 9. | | Nguyễn Hồng Thái | CTV Hòa Mỹ | Cộng tác viên |
| 10. | | Kim Ngọc Tuấn | Xã Hòa Mỹ | Phó Chủ tịch |
| 11. | | Nguyễn Văn Thới | Ấp 6, xã Hòa Mỹ | Người dân chưa tham gia TTAD |
| 12. | | Trần Thị Kiều Trinh | Ấp 6, xã Hòa Mỹ | Người dân chưa tham gia TTAD |
| 13. | | Nguyễn Minh Tùng | Ấp 3, xã Hòa Mỹ | ND chưa tham gia TTAD |
| 14. | | Lê Thị Cam | | ND chưa tham gia TTAD |
| 15. | | Trịnh Thanh Sang | Ấp 3, xã Hòa Mỹ | Trưởng ấp 3 |
| 16. | | Nguyễn Hồng Thái | Ấp 6, xã Hòa Mỹ | Cộng tác viên xã Hòa Mỹ |
| 17. | | Phạm Hữu Đào | Ấp 3 | Cộng tác viên xã Hòa Mỹ |
| 18. | | Nguyễn Thị Hồng | Hội Phụ nữ ấp 3 | Tổ trưởng |
| 19. | | Nguyễn Thị Hạnh | Ấp 3, xã Hòa Mỹ | ND chưa tham gia TTAD |

| | | | | |
|-----|------|---|-------------------------|---|
| 20. | | Dương Thị Chín | | ND làm mô hình đệm lót sinh học |
| 21. | | Nguyễn Thị Nang | Xã Hòa Mỹ | Hộ vay vốn nuôi cá vè |
| 22. | | Trần Thị Ly | Xã Hòa Mỹ | Hộ vay vốn nuôi heo nái sinh sản |
| | 11/5 | Họp BQL TTAD | | |
| 23. | | Hồ Thị Kim Chúc | TTAD | Giám Đốc |
| 24. | | Võ Trung Oai | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 25. | | Châu Khê | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 26. | | Phan Thị Thanh Trúc | TTAD | Phó Giám Đốc |
| | | Họp nhóm phụ trách Thủy sản | | |
| 27. | | Võ Trung Oai | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 28. | | Châu Khê | TTAD | Phó Giám Đốc |
| 29. | | Trần Thị Thu Giang | TTAD | Nhân viên |
| 30. | | Họp nhóm phụ trách chăn nuôi | | |
| 31. | | Lê Thế Quyên | TTAD | Nhân viên |
| 32. | | Trần Thanh Liệt | TTAD | Nhân viên |
| 33. | | Họp nhóm phụ trách trồng trọt | | |
| 34. | | Phạm Thanh Trần | TTAD | Nhân viên |
| 35. | | Ngô Thúy An | TTAD | Nhân viên |
| 36. | | Nguyễn Thanh Tâm | TTAD | Nhân viên |
| | 12/5 | Thu thập thông tin xã Lương Mỹ | | |
| 37. | | Họp Ban Điều hành xã Lương Nghĩa | | |
| 38. | | Lương Giang Nam | UBND xã | PCT |
| 39. | | Lê Phước Khương | UBND xã | CT Hội Chữ Thập đỏ, CTV TTAD |
| 40. | | Nguyễn Công Đoàn | UBND xã | PCT Hội ND |
| 41. | | Đặng Văn Sử | UBND xã | Cán bộ BVTV |
| 42. | | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | UBND xã | PCT Hội Phụ nữ |
| | | Thông tin từ người dân | | |
| 43. | | Trương Quốc Chiêu | UBND xã | CB giao thông vận tải |
| 44. | | Trần Ngọc Tú | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | Người dân sống gần cầu kênh 9, không tham gia dự án |
| 45. | | Nguyễn Thị Tú Trang | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | Người dân sống cạnh tuyến đường TTAD chuẩn bị hỗ trợ xây dựng |
| 46. | | Nguyễn Thị Cẩm | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | Người dân sống cạnh tuyến đường TTAD chuẩn bị hỗ trợ xây dựng |
| 47. | | Danh Dũng | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | ND nhận hỗ trợ nuôi bò |
| 48. | | Nguyễn Thị Duyên | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | Hộ mượn vốn đến vòng 6 |
| 49. | | Nguyễn Văn Kiệt | Xã Lương Nghĩa Ấp 6 | Hộ mượn vốn nuôi heo nái |
| 50. | | Danh Quận | Xã Lương Nghĩa Ấp 10 | Hộ làm MH nhà lưới + rau |
| 51. | | Danh Nhận | Xã Lương Nghĩa Ấp 10 | Hộ mượn vốn nuôi heo nái, đã thoát nghèo bền vững |
| 52. | | Nguyễn Thanh Loan | Xã Lương Nghĩa Ấp 10 | Hộ nghèo mong nhận vốn để nuôi heo |
| | 13/5 | Nguyễn Thành Quyên | Hội ND Phụng Hiệp | PCT |
| 53. | | Nguyễn Chí Hùng | UBND huyện PH | PCT, Trưởng BQL dự án huyện PH |
| 54. | | Nguyễn Văn Chi | Hội ND huyện LM | Chủ tịch |
| 55. | | Đặng Thị Em | Hội ND huyện LM | PCT |
| 56. | | Lý Lệ Hoa | Trạm KN huyện LM | Cán bộ kỹ thuật |

| | | | | |
|-----|------|--|--------------------------|---|
| 57. | | Huỳnh Tuấn Anh | Trạm KN huyện LM | Cán bộ kỹ thuật |
| 58. | | Nguyễn Văn Thống | Trạm KN huyện LM | Trưởng trạm KN |
| | 14/5 | | | |
| 59. | | Huỳnh Thanh Pháo | UBND xã Thuận Hưng | Chủ tịch |
| 60. | | Nguyễn Thanh Hùng | UBND xã Thuận Hưng | PCT, trưởng BĐH dự án |
| 61. | | Võ Bá Phúc | UBND xã Thuận Hưng | Bí thư |
| 62. | | Tham dự hội thảo : Kỹ thuật nuôi lợn sinh sản tại xã Thuận Hưng, khoảng 80 người tham dự gồm: ND trong vùng và các xã vùng dự án, báo đài, Đại diện Ban Cố vấn, hội ND huyện PH, LM, lãnh đạo phòng Kinh tế hạ tầng LM ... | | |
| 63. | | Nguyễn Văn Ngẫu | Hội Liên hiệp | Chủ tịch |
| 64. | | Lê Hồng Việt | Phòng Kinh tế Hạ tầng LM | Phó phòng |
| 65. | | Phạm Thị Mộng Cầm | Ấp 9, Thuận Hưng | ND vay vốn của TTAD nuôi vịt |
| 66. | | Nguyễn Thị Em | Ấp 9, Thuận Hưng | ND không tham gia TTAD |
| 67. | | Nguyễn Thị Phương | Ấp 8, Thuận Hưng | ND không tham gia TTAD, nhà cạnh đường do TTAD hỗ trợ |
| 68. | | Võ Văn Anh | Ấp 8, Thuận Hưng | ND không tham gia TTAD, nhà cạnh đường do TTAD hỗ trợ |
| 69. | | Nguyễn Thị Sùng | Ấp 10, Thuận Hưng | Vay vốn TTAD, làm MH ủ phân rác |
| 70. | | Huỳnh Thanh Nhan | Ấp 10, Thuận Hưng | Thực hiện mô hình ủ phân + trồng rau |
| 71. | | Nguyễn Văn Be | Ấp 6, Thuận Hưng | Bí thư ấp có cầu do TTAD hỗ trợ. |
| 72. | 17/5 | Bernard Kervyn | Mekong plus | Giám đốc |

3. Lịch phỏng vấn

| Ngày | NỘI DUNG |
|-----------|--|
| 7/5 | Họp với BQL TTAD để thống nhất lịch làm việc của tư vấn |
| 8/5 | Xã Hòa Mỹ (Phụng Hiệp) |
| 8h-9h30 | Họp với UBND và BQL dự án cấp xã Hòa Mỹ |
| 9h30- 14h | Thăm các hộ nông dân (ND) có tham gia TTAD và vài ND không tham gia, thăm các công trình cầu đường do TTAD hỗ trợ |
| Từ 14h | Dự tập huấn: Chăn nuôi heo với đệm lót sinh học do anh Liệt giảng |
| | |
| 11/5 | Trung Tâm Ánh Dương |
| Sáng | Họp với BQL TTAD Họp nhân viên phụ trách cầu đường (Oai) |
| Chiều | Họp riêng với từng nhân viên nông nghiệp (4 người) |
| 12/5 | Xã Lương Nghĩa |
| 8h-9h30 | Làm việc UB xã Lương Nghĩa + BQL dự án xã |
| Từ 9h30 | Thăm các hộ nông dân (ND) có tham gia TTAD và vài ND không tham gia, Thăm các công trình cầu đường do TTAD hỗ trợ Thăm các điểm thực hiện mô hình điểm |
| 13/5 | Làm việc với các ban ngành (Trạm Khuyến nông, ban ngành liên quan đến cầu đường, BQL dự án Huyện |

| | |
|---------|--|
| 14/5 | Xã Thuận Hưng |
| 8h-9h30 | Làm việc UB xã Thuận Hưng + BQL dự án xã |
| | Dự hội thảo nuôi lươn do anh Khê chủ trì |
| | Thăm các công trình cầu đường do TTAD hỗ trợ |
| | Thăm các điểm thực hiện mô hình điểm |
| | Thăm các hộ nông dân (ND) có tham gia TTAD và vài ND không tham gia, |

4. Hình ảnh



Họp BDH dự án xã Hòa Mỹ, PH



Thiếu cầu dân dụng chẹt nhỏ qua sông (Xã Hòa Mỹ, PH)



Cầu do TTAD hỗ trợ



Dân tự trải đá đường sau khi có cầu để dễ đi lại



Tập huấn lồng ghép sinh hoạt hội Phụ Nữ
(xã Hòa Mỹ)



Phỏng vấn CTV



Hộ phụ nữ nghèo được mượn vốn sản xuất



Mô hình nuôi lươn sinh sản

Hội thảo tại MH nuôi lươn sinh sản



Hộ mượn vốn được thoát nghèo bền vững